| TỔNG CÔNG TY GIẤY VIỆT NAM | CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM |
|---|---|
| | Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
| Số: 1931 /QĐ-GVN.PT | *Phú Thọ, ngày 27 tháng 10 năm 2026* |

# QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu, hồ sơ mời thầu**
**Thép tấm chịu nhiệt**

## TỔNG GIÁM ĐỐC TỔNG CÔNG TY GIẤY VIỆT NAM

*Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023, được sửa đổi bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15; Luật số 90/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ- CP ngày 04/08/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thực hiện Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;*

*Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT- BTC ngày 04/08/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;*

*Căn cứ Quyết định số 899/QĐ-GVN.HN ngày 26/5/2026 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Giấy Việt Nam về ban hành điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Giấy Việt Nam được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 1819/QĐ-GVN.HN ngày 12 tháng 10 năm 2026 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Giấy Việt Nam;*

*Căn cứ Quyết định số 1156/QĐ-GVN.HN ngày 24/6/2026 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Giấy Việt Nam về ban hành Quy chế phân cấp giữa Hội đồng thành viên và Tổng giám đốc Tổng công ty Giấy Việt Nam;*

*Căn cứ Quyết định số 2155/QĐ-GVN.HN ngày 20/9/2022 của Hội đồng thành viên Tổng công ty giấy Việt Nam về ban hành quy chế mua sắm hàng hóa;*

*Căn cứ Quyết định số 1710/QĐ-GVN.PT ngày 22/8/2025 của Tổng giám đốc Tổng công ty Giấy Việt Nam về thành lập Tổ chuyên gia giúp việc đấu thầu của Tổng công ty Giấy Việt Nam;*

*Xét đề nghị duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu, Hồ sơ mời thầu của Tổ chuyên gia,*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, thông báo mời thầu gói thầu: Thép tấm chịu nhiệt với nội dung sau đây:

- Kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Theo phụ lục đính kèm
- Thông báo mời thầu: Nội dung theo mẫu 12C do Tổ chuyên gia lập tháng 10/2026

**Điều 2.** Tổ chuyên gia theo Quyết định số 1710/QĐ-GVN.PT ngày 22/8/2025 căn cứ nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, tổ chức thực hiện các bước tiếp theo tuân thủ các quy định hiện hành.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Tổ chuyên gia giúp việc đấu thầu theo Quyết định số 1710/QĐ-GVN.PT ngày 22/8/2025 và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

***Nơi nhận:***
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, P.VT.

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

TỔNG CÔNG TY GIẤY VIỆT NAM

**Tạ Đức Long**

**PHỤ LỤC**

*(Kèm theo Quyết định số: 1931/QĐ-GVN.PT ngày 27 /10 /2026)*

**1. Kế hoạch lựa chọn nhà thầu**

| Stt | Tên chủ đầu tư | Tên gói thầu | | Giá gói thầu (đồng) | Nguồn vốn | Hình thức lựa chọn nhà thầu | Phương thức lựa chọn nhà thầu | Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu | Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu | Loại hợp đồng | Thời gian thực hiện gói thầu |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Tên gói thầu | Tóm tắt công việc chính của gói thầu | | | | | | | | |
| 1 | Tổng công ty Giấy Việt Nam-Công ty TNHH | Thép tấm chịu nhiệt | Thép tấm chịu nhiệt | 225.670.500 | Vốn sản xuất kinh doanh | Chào giá trực tuyến theo quy trình rút gọn | 1 giai đoạn, 1 túi hồ sơ | 90 ngày | Quý 4/2026 | Trọn gói | 30 ngày |
| Tổng giá gói thầu: 225.670.500 đồng | | | | | | | | | | | |

**HỒ SƠ MỜI THẦU CHÀO GIÁ TRỰC TUYẾN THEO QUY TRÌNH RÚT GỌN**

**Gói thầu: Cung cấp tôn, thép các loại**

**1.** Biểu mẫu mời thầu và dự thầu

| Stt | Biểu mẫu | Cách thức thực hiện | Trách nhiệm thực hiện | |
|---|---|---|---|---|
| | | | Chủ đầu tư | Nhà thầu |
| 1 | Mẫu số 01. Thông báo mời thầu | Webform | x | |
| 2 | Mẫu số 02A. Phạm vi cung cấp hàng hóa (Áp dụng đối với loại hợp đồng trọn gói) | | x | |
| 3 | Mẫu số 02B. Phạm vi cung cấp hàng hóa (Áp dụng đối với loại hợp | | x | |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | đồng theo đơn giá) | | | |
| 4 | Mẫu số 03. Đơn dự thầu | | | x |
| 5 | Mẫu số 04. Chào giá trực tuyến | | | x |
| 6 | Mẫu số 05. Phòng chào giá trực tuyến | | Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia | |
| 7 | Mẫu số 06. Kết quả chào giá trực tuyến | | x | |
| 8 | Mẫu số 07. Xác nhận về việc chấp thuận được trao hợp đồng | | Không áp dụng | |
| 9 | Mẫu số 08. Hợp đồng điện tử | | | x |
| 10 | Mẫu số 09. Bảo lãnh thực hiện hợp đồng | | | x |
| 11 | Mẫu số 10. Bảo lãnh tiền tạm ứng | | | |

2. Thông báo mời thầu

| | |
|---|---|
| **Thông tin cơ bản** | |
| Mã E-TBMT | *[Hệ thống tự động điền]* |
| Ngày đăng tải: | *[Hệ thống tự động điền]* |
| Phiên bản thay đổi: | *[Hệ thống tự động điền]* |
| **Thông tin chung của KHLCNT** | |
| Mã KHLCNT | *[Hệ thống tự động điền]* |
| Phân loại KHLCNT | *[Hệ thống tự động điền]* |
| Tên dự toán mua sắm | Thép tấm chịu nhiệt |
| **Thông tin gói thầu** | |
| Tên gói thầu | Thép tấm chịu nhiệt |
| Chủ đầu tư | Tổng công ty Giấy Việt Nam- Công ty TNHH |
| Nguồn vốn | Vốn sản xuất kinh doanh |
| Lĩnh vực | Hàng hóa |
| Hình thức lựa chọn nhà thầu | Chào giá trực tuyến theo quy trình rút gọn |
| Loại hợp đồng | Trọn gói |
| Thời gian thực hiện gói thầu | 30 ngày |

| | |
|---|---|
| Địa điểm thực hiện gói thầu | Tổng công ty Giấy Việt Nam, xã Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ |
| **Thông tin chào giá** | |
| Thời điểm bắt đầu chào giá trực tuyến: | 05 ngày làm việc tính từ ngày tiếp theo của ngày đăng tải thông báo mời thầu |
| Thời điểm kết thúc chào giá trực tuyến: | Tối thiểu 24 giờ kể từ thời diểm bắt dầu chào giá trực tuyến |
| Giá trần: 225.670.500 | đồng |
| Bước giá: 300.000 | đồng |
| Hiệu lực của đơn dự thầu: 90 ngày | |

***Nguyên tắc chào giá trực tuyến theo quy định tại Điều 100 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP***

Nhà thầu có thể liên tục thay đổi mức giá.

Mức giá do các nhà thầu chào được công khai trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia và được công khai trong quá trình chào giá, trừ tên nhà thầu

Nhà thầu thực hiện chào giá theo Mẫu số 04. Giá chào cuối cùng của nhà thầu sẽ là cơ sở để so sánh, xếp hạng nhà thầu.

Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia tự động xếp hạng và công khai thứ tự xếp hạng của nhà thầu tương ứng với mức giá trong thời gian chào giá trực tuyến.

Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia ghi nhận giá chào cuối cùng của từng nhà thầu tại thời điểm kết thúc chào giá trực tuyến và danh sách xếp hạng nhà thầu.

***Nguyên tắc xếp hạng nhà thầu theo quy định tại Điều 102 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP***

- Nhà thầu có giá thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.
- Trường hợp các nhà thầu có giá chào bằng nhau thì nhà thầu chào giá trước sẽ được xếp hạng cao hơn nhà thầu chào giá sau.

-Trường hợp sau thời điểm kết thúc chào giá, có nhiều hơn một nhà thầu xếp hạng 1 (cùng chào một thời điểm) thì chủ đầu tư xử lý tình huống theo quy định tại khoản 18 Điều 140 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

## 3. PHẠM VI CUNG CẤP HÀNG HOÁ

| Stt | Danh mục hàng hóa | Đơn vị tính | Khối lượng | Ký mã hiệu (1) | Nhãn hiệu (1) | Hãng sản xuất(1) | Xuất xứ của hàng hóa (1) | Năm sản xuất(1) | Thông số kỹ thuật(1) | Địa điểm dự án | Ngày giao hàng(2) | | Yêu cầu khác(1) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | | | | | Ngày giao hàng sớm nhất | Ngày giao hàng muộn nhất | |

| | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Thép tấm chịu nhiệt ASTM A515. Kích thước: 1.500 x 6.000 x 4 mm (2 tấm) | $m^2$ | 18 | ASTM A515 | Tùy chọn | Tùy chọn | Trung Quốc | 2025 đến nay | Kích thước: 1.500 x 6.000 x 4 mm | Tổng công ty Giấy Việt Nam, xã Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ | 01 ngày | 30 ngày | Như nội dung (1) phía dưới đây |
| 2 | Thép tấm chịu nhiệt ASTM A515. Kích thước: 1.500 x 6.000 x 5 mm (2 tấm) | $m^2$ | 18 | ASTM A515 | Tùy chọn | Tùy chọn | Trung Quốc | 2025 đến nay | Kích thước: 1.500 x 6.000 x 5 mm | Tổng công ty Giấy Việt Nam, xã Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ | 01 ngày | 30 ngày | Như nội dung (1) phía dưới đây |
| 3 | Thép tấm chịu nhiệt loại ASTM A515. Kích thước: 1.500 x 6.000 x 6 mm (2 tấm), Nhiệt độ max = 460 °C | $m^2$ | 18 | ASTM A515 | Tùy chọn | Tùy chọn | Trung Quốc | 2025 đến nay | Kích thước: 1.500 x 6.000 x 6 mm, Nhiệt độ max = 460 °C | Tổng công ty Giấy Việt Nam, xã Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ | 01 ngày | 30 ngày | Như nội dung (1) phía dưới đây |
| 4 | Thép tấm chịu nhiệt ASTM A515. Kích thước: 1.500 x 6.000 x 8 mm (2 tấm) | $m^2$ | 18 | ASTM A515 | Tùy chọn | Tùy chọn | Trung Quốc | 2025 đến nay | Kích thước: 1.500 x 6.000 x 8 mm | Tổng công ty Giấy Việt Nam, xã Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ | 01 ngày | 30 ngày | Như nội dung (1) phía dưới đây |
| 5 | Thép tấm chịu mài mòn Hardox 450. Kích thước: 1.500 x 6.000 x 10 mm | $m^2$ | 9 | Hardox 450 | Hardox® | SSAB | Thụy Điển | 2025 đến nay | Kích thước: 1.500 x 6.000 x 10 mm | Tổng công ty Giấy Việt Nam, xã Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ | 01 ngày | 30 ngày | Như nội dung (1) phía dưới đây |

(1) Chủ đầu tư nêu yêu cầu cụ thể về xuất xứ, ký mã hiệu, nhãn hiệu, hãng sản xuất, thông số kỹ thuật của hàng hóa và các yêu cầu khác như sau:

- Hàng mới 100%, có giấy chứng nhận CO/CQ (bản gốc/sao công chứng) của nhà sản xuất

Bảo hành hàng hóa trong thời gian 06 tháng kể từ ngày hàng hóa được nghiệm thu, bàn giao và đưa vào sử dụng. Trong thời gian bảo hành, Nhà thầu có trách nhiệm sửa chữa hoặc thay thế miễn phí đối với hàng hóa không đạt yêu cầu chất lượng hoặc phát sinh lỗi do nhà sản xuất.

- Đảm thực hiện hợp đồng: 05% giá trị hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến khi toàn bộ hàng hóa được bàn giao, hai bên ký biên bản nghiệm thu
- Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: Trong vòng 10 ngày sau khi Nhà thầu và Chủ đầu tư hoàn thành thủ tục giao, nhận hàng
- Thanh toán 95% giá trị hợp đồng trong vòng 30 ngày từ ngày Nhà thầu giao hàng và hoàn thiện hồ sơ thanh toán, 05% giá trị còn lại được thanh toán trong vòng 10 ngày kể từ ngày hết thời hạn bảo hành theo quy định; hoặc thanh toán 100% giá trị hợp đồng trong vòng 30 ngày từ ngày Nhà thầu giao hàng và hoàn thiện hồ sơ thanh toán nếu Nhà thầu nộp bảo lãnh bảo hành trị giá 05% giá trị hợp đồng
- Trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định, nếu Nhà thầu không thể giao hàng hay cung cấp các dịch vụ liên quan theo đúng thời hạn đã nêu trong hợp đồng thì Chủ đầu tư có thể trừ vào giá hợp đồng một khoản tiền phạt tương ứng với 1,0%/ngày làm việc giá trị phần hàng hóa giao chậm cho đến khi hàng hoá đó được giao. Chủ đầu tư sẽ khấu trừ đến 8,0 % giá trị phần hàng hóa giao chậm. Khi đạt đến mức phạt tối đa, Chủ đầu tư có thể xem xét chấm dứt hợp đồng theo quy định.